

Hướng dẫn **Soạn văn 6 bài: Ôn tập cuối học kì I** trang 135 sgk Ngữ văn 6 tập 1 nằm trong bộ sách "Chân trời sáng tạo" được biên soạn theo chương trình đổi mới của Bộ giáo dục. Cùng đến với những hướng dẫn cụ thể và lời giải chi tiết sau đây để nắm vững bài học hiệu quả hơn nhé.

1. Nêu những điểm giống và khác nhau giữa truyền thuyết và truyện cổ tích theo bảng dưới đây

Đặc điểm	Truyền thuyết	Cổ tích
Giống nhau		
Khác nhau		

2. Dựa vào đặc điểm của thể thơ lục bát (thanh điệu, cách hiệp vần) hãy sắp xếp các tiếng trong, không, về vào những chỗ trống trong câu ca dao:

*Cần Thơ gạo trắng nước...
Ai đi đến đó lòng... muốn...
(Ca dao)*

3. Truyện đồng thoại có những đặc điểm gì?

4. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của thể loại hồi kí?

a. Kể lại những sự việc mà người viết tham dự hoặc chứng kiến.

b. Sự việc thường được kể theo trình tự thời gian.

c. Cốt truyện thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng ca tụng, tôn thờ.

d. Người kể chuyện ngôi thứ nhất trong văn bản thường là hình ảnh của tác giả.

5. Hoàn thành sơ đồ theo mẫu sau để tóm tắt nội dung và ý nghĩa của từng bước quy trình viết:

6. Ghép những thông tin yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt (cột A) với tác dụng của nó (cột B)

A Yêu cầu đối với kiểu bài	B Tác dụng
1. Giới thiệu thời gian và địa điểm diễn ra cảnh sinh hoạt	a. Giúp cho cảnh sinh hoạt trở nên xác định hơn.
2. Tả lại cảnh sinh hoạt theo trình tự hợp lí (Từ xa đến gần, từ diện đến điểm)	b. Giúp bài viết gần gũi, gợi được sự đồng cảm ở người đọc.

3. Thể hiện hoạt động của con người trong không gian, thời gian cụ thể.	c. Giúp người đọc hình dung rõ hơn về hoạt động
4. Gợi tả quang cảnh, không khí chung và những chi tiết tiêu biểu của bức tranh sinh hoạt.	d. Giúp người đọc theo dõi hoạt động được miêu tả dễ dàng hơn.
5. Sử dụng phù hợp các từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động.	đ. Giúp cảnh sinh hoạt hiện lên sinh động hơn
6. Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của người viết.	e. Giúp người đọc có cái nhìn bao quát vừa cụ thể

7. Trong bảng sau những đặc điểm nào thuộc về nội dung, đặc điểm nào thuộc về hình thức của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát (kẻ vào vở)

Đặc điểm	Là đặc điểm nội dung	Là đặc điểm hình thức
Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc		
Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.		
Có một câu chủ đề (ở đầu hoặc cuối đoạn) nêu nội dung khái quát toàn đoạn.		
Mở đoạn: giới thiệu chung về bài thơ		
Thân đoạn: trình bày trọn vẹn cảm xúc của người viết về nội dung, nghệ thuật bài thơ và nêu dẫn chứng cụ thể		
Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.		

8. Dùng mẫu sơ đồ sau để chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau giữa kiểu bài kể lại một truyện cổ tích với kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân:

Kiểu bài kể lại một truyện cổ tích

Kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân

9. Vẽ sơ đồ bố cục một biên bản.

10. Vì sao trước khi nói hoặc trình bày một vấn đề, ta cần trả lời những câu hỏi

- Người nghe là ai?
- Mục đích nói là gì?
- Nội dung nói là gì?
- Thời gian nói bao lâu?
- Vấn đề sẽ được trình bày ở đâu?

11. Em hãy hoàn thành sơ đồ sau (kẻ vào vở)

Từ tiếng việt phân loại theo cấu tạo

12. Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

Cái chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn ngủn đến giữa lưng, hở cả hai mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu, mà mặt mũi lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.

- a. Tìm các từ đơn có trong câu “Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn ngủn đến giữa lưng, hở cả hai mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê.”
- b. Tìm các từ ghép và các từ láy có trong đoạn văn. Phân tích tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn văn trên.
- c. Những trường hợp như râu ria, mặt mũi có phải từ láy không? Vì sao?

13. Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng cách nào? Hiệu quả của việc mở rộng ấy là gì? Mở rộng các câu sau và cho biết cách thức mở rộng:

- a. Trời mưa
- b. Gió thổi
- c. Nó đang đọc sách
- d. Xuân về

14. Để lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản, người viết (nói) cần thực hiện những thao tác gì? Chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống trong những câu sau và giải thích lí do lựa chọn:

- a. Các đội thổi com đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ (nồng nhiệt/nhiệt tình) của người xem.

- b. Cô con gái út của phú ông (ưng/ đồng ý/ muốn) lấy Sọ Dừa.
- c. Nhút nhát là (nhược điểm.khuyết điểm) vốn có của cậu ấy.
- d. Ông đang miệt mài (nặn/tạc/khắc) một pho tượng bằng đá.

15. Dùng sơ đồ để chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa ẩn dụ và hoán dụ

16. Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ sau:

- a. Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

- b. Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập loè đơm bông.

- c. Nhớ đôi dép cũ nặng công ơn

Yêu Bác lòng ta trong sáng hơn.

17. Tìm trạng ngữ trong đoạn văn sau và lí giải tác dụng của chúng:

Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam, chúng coi dân ta như cỏ rác, làm nhiều điều bạo ngược. Nghĩa quân Lam Sơn nhiều lần chống giặc nhưng đều bị thua. Thấy vậy Long Quân quyết định cho nghĩa quân mượn Gươm thần để đánh giặc.

Lời giải

1. So sánh truyền thuyết và cổ tích

Đặc điểm	Truyền thuyết	Cổ tích
Giống nhau	- Đều có yếu tố tưởng tượng kì ảo. - có nhiều chi tiết giống nhau: sự ra đời thần kì, nhân vật chính có những tài năng phi thường...	
Khác nhau	Truyền thuyết kể về các nhân vật, sự kiện lịch sử và thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với những nhân vật, sự kiện lịch sử được kể.	Còn truyện cổ tích kể về cuộc đời của các loại nhân vật nhất định và thể hiện quan niệm, ước mơ của nhân dân về cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác.

2. Hoàn chỉnh câu thơ

*Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về
(Ca dao)*

3. Đặc điểm truyện đồng thoại

- Là thể loại văn học dành cho thiết nhi
- Nhân vật truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hoá.
- Chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người.

4. c

5. Quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Nội dung: xác định đề tài, thu thập tư liệu
- Ý nghĩa: xác định đúng yêu cầu, mục đích của đề và chuẩn bị tư liệu cho bài viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

- Nội dung: tìm ý, ghi lại ý tưởng, nên miêu tả theo trình tự nào, lập dàn ý theo bố cục ba phần
- Ý nghĩa: xác định được nội dung và bố cục bài văn cần viết.

Bước 3: Viết bài

- Nội dung: Lần lượt viết theo bố cục ba phần, thân bài nên viết thành hai hoặc ba đoạn văn.
- Ý nghĩa: chú ý được cách trình bày khoa học và nội dung đầy đủ.

Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm

- Nội dung: tự kiểm tra, xem xét và điều chỉnh bài viết, soát lỗi chính tả, dùng từ ngữ, viết câu.
- Ý nghĩa: bước này nhằm kiểm tra nội dung bài làm đã hoàn chỉnh chưa.

6. Sắp xếp 1a, 2e, 3d, 4đ, 5c, 6b

7.

Đặc điểm	Là đặc điểm nội dung	Là đặc điểm hình thức
Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc	X	
Đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.		X
Có một câu chủ đề (ở đầu hoặc cuối đoạn) nêu nội dung khái quát toàn đoạn.		X
Mở đoạn: giới thiệu chung về bài thơ	X	
Thân đoạn: trình bày trọn vẹn cảm xúc của người viết về nội dung, nghệ thuật bài thơ và nêu dẫn chứng cụ thể	X	

Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.	X	
---	---	--

8. Giống nhau:

- Hai dạng bài này đều trình bày lại các sự việc theo trình tự hợp lí .
- Bài văn đảm bảo bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài

Khác nhau:

- Kiểu bài kể lại truyện cổ tích: người kể dùng ngôi thứ ba, trong truyện kể được các sự việc quan trọng, đặc biệt là yếu tố hoang đường, kì ảo.
- Kiểu bài kể lại trải nghiệm bản thân: người kể dùng ngôi thứ nhất để kể, nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. Kết hợp giữa kể và tả.

9.

10. Trước khi nói hoặc trình bày một vấn đề, ta cần xác định người nghe, mục đích nói nói, nội dung nói, thời gian, địa điểm nói vì khi trả lời được các câu hỏi trên sẽ giúp chúng ta định hướng nội dung bài viết, cách viết, cách nói, tăng hiệu quả giao tiếp.

11.

Từ đơn: là từ gồm một tiếng

Đặc điểm cấu tạo: chỉ gồm 1 tiếng

Ví dụ: con, cây, lá, quả, những, chàng, không.

Từ phức: là từ gồm hai tiếng trở lên

Đặc điểm cấu tạo: từ gồm hai tiếng trở lên

Ví dụ:

Từ ghép: là từ được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

Đặc điểm cấu tạo: từ có hai tiếng trở lên ghép lại với nhau có nghĩa

Ví dụ: quần áo, cây cối, nhà cửa

Từ láy: là từ có quan hệ láy âm giữa các tiếng

Đặc điểm cấu tạo: từ có quan hệ láy âm, trong từ ghép. Trong từ láy, có thể chỉ có một từ có nghĩa, từ còn lại không có nghĩa hoặc cả hai từ đều không có nghĩa khi tách ra đứng riêng một mình.

Ví dụ: hăng hái, chăm chỉ, mạnh mẽ

12.

a. Từ đơn: đã, rồi, mà, cánh, chỉ, đến, giữa, lưng, hờ, cả , hai, như, người, mặc, áo

b. Các từ ghép: Dế Choắt, thuốc phiện, thanh niên, mạng sườn, đôi còng, râu ria.

Các từ láy: lêu nghêu, ngẩn ngẩn, bè bè, nặng nề

Việc sử dụng các từ láy góp phần miêu tả rõ hơn đặc điểm ngoại hình của Đế Choắt, hiện lên là một chàng dễ gây gò, ốm yếu.

c. Những trường hợp như râu ria, mặt mũi không phải từ láy mà là từ ghép, vì hai tiếng trong từ đều có nghĩa.

13. Các thành phần chính trong câu thường được mở rộng bằng các cụm từ. Việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ giúp cho nghĩa của câu trở nên chi tiết, rõ ràng.
Mở rộng các câu

a. Trời mưa tầm tã (mở rộng vị ngữ bằng cụm động từ)

b. Những đợt gió mùa đông bắc thổi rất mạnh. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ)

c. Nó đang đọc sách viết về thế giới loài chim (biến vị ngữ có cụm từ thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn)

d. Mùa xuân ấm áp về. (biến chủ ngữ thành cụm danh từ)

14. Để lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện nghĩa của văn bản, người viết hoặc nói cần:

- Xác định nội dung cần diễn đạt

- Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa, từ đó lựa chọn những từ có chức năng diễn đạt chính xác nhất nội dung muốn thể hiện.

- Chú ý kết hợp hài hoà giữa từ ngữ được lựa chọn với những từ ngữ được sử dụng trước và sau nó trong cùng một câu (đoạn văn).

Lựa chọn từ các câu

a. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem.

b. Cô con gái út của phú ông đồng ý lấy Sọ Dừa.

c. Nhút nhát là nhược điểm vốn có của cậu ấy.

d. Ông đang miệt mài tạc một pho tượng bằng đá.

Giải thích:

a. chọn từ “nồng nhiệt” thể hiện sự ủng hộ, động viên từ phía người khác dành cho mình.

b. chọn từ “đồng ý” thể hiện sự bằng lòng của cô con gái út với lời hỏi cưới từ phía Sọ Dừa

c. “nhược điểm” để chỉ những hạn chế vốn có ở con người, còn “khuyết điểm” là để chỉ những thiếu sót, hạn chế mình còn đang gặp phải.

d. chọn từ “tạc” khi sử dụng với chất liệu đá

15.

- Giống nhau :

- + Điều gọi tên sự vật hiện tượng khái niệm này bằng tên sự vật hiện tượng khái niệm khác.
- + Về mặt hình thức hoán dụ giống ẩn dụ ở chỗ chỉ có một vế (vế biểu hiện), còn vế kia (vế được biểu hiện) bị che lấp đi.

- Khác nhau :

- + Ẩn dụ: Giữa 2 sự vật, hiện tượng trong phép ẩn dụ có quan hệ tương đồng. Cụ thể là : tương đồng về hình thức, về cách thức, phẩm chất, về chuyển đổi cảm giác. Chức năng chủ yếu của ẩn dụ là biểu cảm.
- + Giữa 2 sự vật, hiện tượng trong phép hoán dụ có quan hệ gần gũi (tương cận). Cụ thể là : Lấy một bộ phận để chỉ toàn thể, lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng, lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật, lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. Chức năng chủ yếu của hoán dụ là nhận thức.

16.

- a. Ẩn dụ hình ảnh mặt trời trong câu “Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng”. Đó là hình ảnh ẩn dụ cho đứa con.
- b. Ẩn dụ "lửa lựu": hình ảnh khóm lựu đầu tường đã trở hoa rực rỡ như ngọn lửa
- c. Hoán dụ :”dôi dép cũ” chỉ hình ảnh bác Hồ

17. Tìm trạng ngữ trong đoạn văn:

- Vào thời giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam – trạng ngữ chỉ thời gian, xác định thời điểm diễn ra câu chuyện.
- để đánh giặc – trạng ngữ chỉ mục đích, chỉ mục đích và ý nghĩa của việc Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.